

舞台

	9	8	7	6	5	4	3	2	1	
第一排		A-19 A-13	A-07 A-01	C-16 C-11	C-06 C-01	B-16 B-11	B-06 B-01			第一排
第二排		A-20 A-14	A-08 A-02	C-17 C-12	C-07 C-02	B-17 B-12	B-07 B-02			第二排
第三排		A-21 A-15	A-09 A-03	C-18 C-13	C-08 C-03	B-18 B-13	B-08 B-03			第三排
第四排		A-22 A-16	A-10 A-04	C-19 C-14	C-09 C-04	B-19 B-14	B-09 B-04			第四排
第五排		A-23 A-17	A-11 A-05	C-20 C-15	C-10 C-05	B-20 B-15	B-10 B-05			第五排
第六排		A-24 A-18	A-12 A-06							第六排

座位編碼說明：

A：寫 字 國小組

B：寫 字 教師組

C：寫 字 社會組

活動中心

寫字組座位表